

Số: 266/2018/QĐST-HNGĐ

TP Thanh Hóa, ngày 08 tháng 11 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA.

Căn cứ Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 310/2018/TLST- HNGĐ ngày 10/10/2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đặng Triệu K, sinh năm 1975.

Trú tại: SN 47/49 phố M, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị N, sinh năm 1986.

Trú tại: SN 09 phố T, phường H, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh Đặng Triệu K và chị Lê Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/12/2015 tại UBND phường L, thành phố T nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, mất lòng tin đối với nhau nên mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng. Mặc dù đã được hai bên gia đình và bản thân anh chị tự hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được, mâu thuẫn vẫn xảy ra nên từ tháng 7/2015 đến nay anh chị sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay anh chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của anh K, chị N là hoàn toàn tự nguyện và không

vì phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án hòa giải đoàn tụ không thành nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[2] Về con chung: anh Đặng Triệu K và chị Lê Thị N có 01 con chung là cháu Đặng Lê M - sinh 05/8/2016. Anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Lê M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Lê M thành niên. Xét thấy sự thỏa thuận của anh K, chị N là phù hợp quy định pháp luật, cháu Lê M còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) cần sự chăm sóc của người mẹ; sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án chấp nhận.

Anh K là người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản: anh Đặng Triệu K và chị Lê Thị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: anh Đặng Triệu K và chị Lê Thị N thống nhất thỏa thuận anh K chịu toàn bộ lệ phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là phù hợp, tự nguyện nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Triệu K và chị Lê Thị N.

- Về con chung: anh Đặng Triệu K và chị Lê Thị N có 01 con chung là cháu Đặng Lê M - sinh 05/8/2016. Công nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung như sau: sau khi ly hôn chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê M, anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 11/2018 cho đến khi cháu Lê M thành niên.

Anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: anh Đặng Triệu K và chị Lê Thị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: anh K và chị N thống nhất thỏa thuận: anh K phải nộp 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2017/0006514 ngày 02/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T. Anh K đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND phường L;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thu Hà